

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

NGUYỄN VĂN HỘ

(Biên tập và sắp xếp tư liệu)

CƠ SỞ PHÁP LÝ TRONG GIÁO DỤC
VÀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC

(Giáo trình phục vụ học viên Cao học thạc sĩ Quản lý giáo dục)

THÁI NGUYÊN, NĂM HỌC 2007- 2008

CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CƠ SỞ PHÁP LÝ TRONG GIÁO DỤC VÀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÁP LUẬT.

1. Khái niệm về pháp luật

1.1. Nguồn gốc pháp luật:

Tìm hiểu và giải thích nguyên nhân phát sinh, phát triển của pháp luật giúp ta biết rõ bản chất và những qui luật phát triển của nó.

Cùng với nhà nước, pháp luật xuất hiện khi xã hội loài người đã phát triển đến một giai đoạn nhất định. Pháp luật vận động và phát triển theo những điều kiện khách quan.

Trong xã hội cộng sản nguyên thủy chưa có pháp luật, nhưng đã tồn tại những quy tắc xử sự chung thống nhất. Đó là các quy phạm xã hội.

Quy phạm xã hội là quy tắc xử sự thể hiện ý chí chung của các thành viên trong xã hội được mọi người tự giác tuân theo.

Quy phạm xã hội gồm các tập quán và các tín điều tôn giáo. Chúng luôn luôn gắn liền với các quy phạm đạo đức và nhiều khi chúng đồng nhất với nhau.

Khi xã hội loài người phân chia thành giai cấp thì nhà nước xuất hiện. Những nguyên nhân làm phát sinh nhà nước cũng là những nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của pháp luật.

Trong điều kiện lịch sử có những xung đột về lợi ích giai cấp diễn ra gay gắt và cuộc đấu tranh giai cấp là không thể điều hoà được, thì cần thiết phải có một loại quy phạm mới để thiết lập cho xã hội một “trật tự”, một loại quy phạm chỉ thể hiện ý chí của giai cấp thống trị đó là quy phạm pháp luật.

Hệ thống pháp luật của các nhà nước được dần dần hình thành từng bước. Giai cấp thống trị tìm cách vận dụng các tập quán để phục vụ lợi ích của giai cấp mình, dần dần nâng chúng thành các quy phạm pháp luật.

Hệ thống pháp luật của các nhà nước còn được hình thành từ một nguồn khác các văn bản do các cơ quan nhà nước ban hành.

Như vậy pháp luật là hệ thống các quy phạm do nhà nước ban hành, thể hiện ý chí của giai cấp thống trị. Pháp luật ra đời cùng với nhà nước. Pháp luật là công cụ sắc bén để thể hiện quyền lực nhà nước, duy trì địa vị và bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị. Nhà nước ban hành ra pháp luật và bảo đảm cho pháp luật được thực hiện. Pháp

luật là sản phẩm của cuộc đấu tranh giai cấp.

1.2. Những đặc điểm chung của pháp luật.

- Pháp luật là sự thể hiện ý chí của giai cấp cầm quyền.

Từ sự phân tích nguồn gốc của pháp luật, có thể thấy rằng pháp luật ra đời từ nhu cầu bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị, thể hiện ý chí của giai cấp đó. Vì vậy, xét về bản chất, pháp luật luôn luôn mang tính giai cấp sâu sắc. Tuy nhiên, ý chí của giai cấp thống trị thể hiện trong pháp luật không phải là ý muốn chủ quan của một cá nhân, một nhóm người nào trong giai cấp thống trị, mà chính nó cũng bị quy định một cách khách quan do lợi ích kinh tế của giai cấp đó quyết định. Khi nói về bản chất của pháp luật tư sản, C. Mác và F. Ăngghen đã viết: "Pháp luật của các ông chẳng qua cũng chỉ là ý chí của giai cấp các ông được đề lên thành luật mà thôi. Cái ý chí mà nội dung là do những điều kiện sinh hoạt vật chất của giai cấp các ông quyết định." (C. Mác- Ăngghen: Tuyển tập Tập 1. NXB Sự thật. Hà nội. 1962. Trang 42).

Vì vậy khi nói pháp luật là sự thể hiện ý chí của giai cấp thống trị cũng có nghĩa là khẳng định tính chất giai cấp và tính chất bị quy định bởi những điều kiện kinh tế khách quan của nó.

- Pháp luật là hệ thống những qui tắc xử sự có tính bắt buộc chung.

Pháp luật là khuôn mẫu, là tiêu chuẩn của hành vi và cách xử sự của con người do nhà nước đặt ra và đảm bảo sự thực hiện. Trong các mối quan hệ xã hội, con người căn cứ vào qui tắc đó mà xác định hành vi của mình, xem mình được làm gì, phải làm gì hoặc không được làm gì, nếu vượt quá giới hạn đó là vi phạm pháp luật. Khoa học pháp lý gọi các qui tắc xử sự đó là các qui phạm. Tính qui phạm là đặc trưng vốn có của pháp luật nói chung.

Trong thực tế đời sống xã hội có rất nhiều mối quan hệ qua lại giữa con người với nhau. Những mối quan hệ ấy rất phức tạp, được thể hiện trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Vì vậy, các quy tắc xử sự của pháp luật không thể là qui tắc lẻ tẻ, rời rạc mà chúng là một hệ thống của rất nhiều các qui tắc cụ thể, có sự thống nhất bên trong. Cơ sở tạo nên sự thống nhất ấy chính là ý chí của giai cấp thống trị.

Các qui tắc xử sự của pháp luật có tính bắt buộc chung. Pháp luật là mệnh lệnh của nhà nước, tất cả mọi thành viên của xã hội đều phải tuân theo. Việc tuân theo các qui tắc xử sự chung ấy không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người. Tính bắt buộc chung của pháp luật gọi là tính cưỡng chế, một thuộc tính cơ bản của pháp luật.

- Pháp luật do nhà nước đặt ra và đảm bảo việc thực hiện.

Thông qua bộ máy nhà nước, giai cấp thống trị thể hiện ý chí của mình dưới những hình thức thích hợp của luật pháp. Nhà nước làm ra luật pháp và đảm bảo cho việc thực hiện bằng bộ máy cưỡng chế của nhà nước. Đây cũng là điểm khác nhau cơ bản để phân biệt các qui phạm pháp luật với các qui phạm xã hội khác như đạo đức,

phong tục tập quán, tôn giáo...) tính cưỡng chế Của pháp luật cũng khác với tính cưỡng chế của các qui phạm khác ở chỗ đó là sự cưỡng chế mang tính nhà nước, do nhà nước tiến hành. Nếu pháp luật làm ra không được tôn trọng và thực hiện thì nhà nước đã suy tàn, nhà nước không còn là nhà nước nữa.

1.2. Bản chất của pháp luật.

Pháp luật chỉ phát sinh, tồn tại và phát triển trong xã hội có giai cấp. *Bản chất mà pháp luật thể hiện ở tính giai cấp của nó, không có pháp luật nào không mang tính giai cấp.*

- *Tính chất giai cấp của pháp luật thể hiện ở chỗ:*

+ Pháp luật chỉ phản ánh ý chí nhà nước của giai cấp thống trị trong xã hội. Nội dung của ý chí đó được qui định bởi điều kiện sinh hoạt vật chất của giai cấp thống trị. Giai cấp thống trị là giai cấp có quyền lực nhà nước trong tay. Thông qua nhà nước, giai cấp thống trị thể hiện ý chí nhà nước bằng pháp luật. Nhà nước ban hành và bảo đảm cho pháp luật được thực hiện. Vì vậy pháp luật là những quy tắc xử sự chung có tính bắt buộc đối với mọi người.

+ Tính giai cấp của pháp luật còn thể hiện ở mục đích điều chỉnh các quan hệ xã hội. Pháp luật là nhân tố điều chỉnh về mặt giai cấp các quan hệ xã hội nhằm hướng các quan hệ xã hội phát triển theo một "trật tự" phù hợp với ý chí của giai cấp thống trị bảo vệ và củng cố địa vị của giai cấp thống trị. Pháp luật chính là công cụ để thực hiện sự thống trị giai cấp.

Trong những điều kiện lịch sử nhất định, lợi ích của giai cấp thống trị có khi phù hợp với lợi ích của các giai cấp, các tầng lớp khác trong xã hội, tức là phù hợp với lợi ích của toàn dân tộc. (Ví dụ: trong các cuộc kháng chiến trước đây của toàn thể dân tộc ta chống lại bọn xâm lược phương bắc, lợi ích của các giai cấp, các tầng lớp trong xã hội hài hoà trong lợi ích của toàn dân tộc). Trong những thời điểm đó, pháp luật phản ánh những lợi ích chung của cả xã hội, cả dân tộc. Như vậy, ngoài tính giai cấp, pháp luật còn có tính xã hội, giá trị xã hội.

Pháp luật là công cụ để nhà nước quản lý xã hội. Pháp luật ra đời do nhu cầu bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị và luôn luôn gắn liền với nhà nước. Nó ra đời cùng với nhà nước, là công cụ sắc bén nhất để thực hiện quyền lực nhà nước, duy trì địa vị của giai cấp cầm quyền. Pháp luật hoàn toàn khác với các quy phạm xã hội. Các quy phạm xã hội (bao gồm chủ yếu là các tập quán) thể hiện ý chí của tất cả thành viên trong xã hội và được mọi người tự giác tuân theo. Pháp luật lại là hệ thống các quy phạm do nhà nước ban hành, thể hiện ý chí của giai cấp thống trị. Nhà nước ban hành ra pháp luật và đảm bảo cho pháp luật được thực hiện. Do đó, pháp luật là một yếu tố nằm trong thượng tầng kiến trúc xã hội. Pháp luật và nhà nước là những yếu tố mang tính quyết định để thiết lập cho xã hội một "trật tự". Nó là sản phẩm của cuộc đấu tranh giai cấp.

- Tóm lại, trong xã hội có giai cấp, giai cấp thống trị thông qua bộ máy nhà nước, đặt ra những quy tắc xử sự, bắt buộc mọi người phải tuân theo nhằm duy trì trật tự xã hội phù hợp với lợi ích của giai cấp thống trị đó. Những quy tắc xử sự ấy được gọi là pháp luật.

Định nghĩa: Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự do nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện, thể hiện ý chí của giai cấp thống trị trong xã hội, là yếu tố điều chỉnh các quan hệ xã hội nhằm tạo ra trật tự và ổn định trong xã hội.

1.3. Vai trò, chức năng của pháp luật.

- Vai trò của pháp luật.

Cùng với nhà nước, pháp luật phát sinh và phát triển là một tất yếu khách quan, đáp ứng yêu cầu cho việc điều chỉnh các mối quan hệ xã hội. Pháp luật đưa ra những hành vi xử sự mẫu, quy định những điều được phép làm và những điều bị cấm đoán, sao cho các mối quan hệ xã hội phát triển theo hướng phù hợp với ý chí của giai cấp thống trị.

Pháp luật thể hiện ý chí của giai cấp thống trị. Thông qua bộ máy của mình, nhà nước ban hành pháp luật và đảm bảo cho việc thực hiện. Pháp luật là mệnh lệnh của nhà nước đối với toàn xã hội. Đồng thời pháp luật cũng quy định cho việc tổ chức và hoạt động của chính bản thân bộ máy nhà nước. Pháp luật bảo đảm cho xã hội có trật tự nề nếp, bảo vệ và củng cố địa vị của giai cấp thống trị.

Tính chất giai cấp của pháp luật được thể hiện theo những cách thức khác nhau, tùy thuộc vào kiểu pháp luật và nhà nước. Tương ứng với mỗi kiểu nhà nước có một kiểu pháp luật. Pháp luật chủ nô công khai quy định quyền lực vô hạn của chủ nô và địa vị nô lệ của giai cấp nô lệ. Pháp luật phong kiến thừa nhận đặc quyền, đặc lợi của giai cấp phong kiến và hạn chế tối đa quyền lợi của giai cấp nông dân. Pháp luật tư sản tuy có những tiến bộ như thiết chế dân chủ, quy định về quyền tự do cá nhân... Nhưng về thực chất nó cũng vẫn là sự thể hiện ý chí của giai cấp tư sản và bên vực, bảo vệ cho lợi ích của giai cấp tư sản. Pháp luật xã hội chủ nghĩa thể hiện ý chí của đa số nhân dân lao động trong xã hội, hướng tới công bằng, công lý và tự do.

Pháp luật còn là sự thể hiện ý chí chung của XH, của dân tộc và tiếp nhận văn minh pháp lý nhân loại. Pháp luật luôn luôn vận động và phát triển để phù hợp với sự phát triển của xã hội. Pháp luật phải đưa ra những quy định, những hành vi xử sự mẫu hợp lý, khách quan, phù hợp với ý chí của số đông trong xã hội thì mới được đa số nhân dân chấp nhận. Có như vậy pháp luật mới thể hiện được tính XH và có giá trị XH.

- *Chức năng của pháp luật.*

Pháp luật nói chung có các chức năng cơ bản sau đây:

+ *Chức năng điều chỉnh các quan hệ xã hội.*

Pháp luật là sự dự liệu của nhà nước về khả năng có thể có trong hành vi xử sự của con người. Pháp luật điều chỉnh hành vi và ý thức của con người và các mối quan hệ theo các bước:

. Xác định các mối quan hệ cơ bản trong xã hội các mối quan hệ có thuộc tính cơ bản giống nhau, có mối quan hệ mật thiết với nhau, thuộc cùng một loại thì được xếp vào thành từng nhóm, gọi là nhóm các quan hệ xã hội.

. Nhà nước làm ra một nhóm các quy phạm pháp luật, gọi là chế định pháp luật để tác động lên nhóm các quan hệ xã hội ấy, điều chỉnh các quan hệ xã hội phát triển theo hướng phù hợp với ý chí của nhà nước.

Để thực hiện được điều đó, nhà nước quy định các hình thức thực hiện pháp luật, đảm bảo cho pháp luật được thực thi trong thực tế đời sống xã hội.

+ *Chức năng bảo vệ các quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh.*

Để thực hiện chức năng của mình, nhà nước có nhiều hình thức và phương pháp hoạt động khác nhau, trong đó có các hình thức hoạt động chính là: xây dựng pháp luật tổ chức thực hiện pháp luật và bảo vệ pháp luật. Đây chính là một quá trình hoạt động đảm bảo cho các quan hệ xã hội phát triển một cách bình thường và ổn định, tránh được sự xâm phạm, trong trường hợp có sự xâm hại tới các quan hệ ấy thì pháp luật cũng đã có quy định để ngăn chặn và xử lý.

+ *Chức năng giáo dục.*

Thông qua việc tuyên truyền, giải thích, giáo dục pháp luật cho mọi người mà ý thức pháp luật đã hình thành. Đó là sự tác động của pháp luật vào tình cảm, ý thức của con người, làm cho mọi người hiểu biết về pháp luật, có ý thức tôn trọng pháp luật. Từ đó mọi người sẽ tự giác xử sự theo yêu cầu của pháp luật, thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật

II. HỆ THỐNG CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CỦA VIỆT NAM

1 - Khái niệm hệ thống văn bản pháp luật

+ *Khái niệm.*

Hiến pháp 1992 có quy định: “Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa” (Điều 12).

Để thực hiện việc quản lý đất nước bằng pháp luật, Nhà nước đã ban hành những văn bản quy phạm pháp luật. Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp, tức là ban hành văn bản pháp luật. Chính phủ các Bộ, Hội đồng nhân dân và Ủy

ban nhân dân các cấp có quyền lập quy, nghĩa là ban hành văn bản pháp quy. Văn bản pháp luật và pháp quy có tính quyền lực đơn phương, chúng tạo thành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước ta.

Định nghĩa: Văn bản quy phạm pháp luật là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo thủ tục, trình tự luật định: trong đó các quy tắc xử sự chung, được Nhà nước bảo đảm thực hiện nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa (Điều 1 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, 1996).

+ Đặc trưng:

Văn bản quy phạm pháp luật có những đặc trưng để phân biệt với văn bản áp dụng pháp luật và văn bản hành chính thông thường, đó là:

. Do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo đúng thủ tục và hình thức luật định

. Xác lập các quy tắc xử sự chung, tức là có chứa đựng các quy phạm pháp luật.

. Được áp dụng nhiều lần trong đời sống, được áp dụng trong mọi trường hợp khi có sự kiện pháp lý xảy ra.

. Tên gọi, nội dung, trình tự ban hành các loại văn bản pháp luật được quy định cụ thể trong pháp luật.

2. Các văn bản pháp luật Việt Nam.

+ Hệ thống văn bản qui phạm pháp luật bao gồm: (Điều 1 - Luật đã dẫn).

(1) Văn bản do Quốc hội ban hành: Hiến pháp, luật, nghị quyết.

Văn bản do Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành: Pháp lệnh, nghị quyết.

(2). Văn bản do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác ở trung ương ban hành để thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội:

a. Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.

b. Nghị quyết, nghị định của chính phủ, quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ.

c. Quyết định, chỉ thị, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ.

d. Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán toà án nhân dân tối cao. Quyết định, chỉ thị, thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

đ. Nghị quyết, thông tư liên tịch giữa các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, giữa cơ quan Nhà nước có thẩm quyền với tổ chức chính trị - xã hội.

(3). Văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ban hành để thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội và văn bản của cơ quan Nhà nước cấp trên. Văn bản do Ủy ban nhân dân ban hành còn để thi hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân cung cấp:

- a. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân.
- b. Quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân.

+ *Hiệu lực của Văn bản qui phạm pháp luật:*

. Hiệu lực theo thời gian: là giới hạn xác định thời điểm phát sinh và chấm dứt hiệu lực của một văn bản qui phạm pháp luật cụ thể, thường được ghi ngay trong văn bản đó. Khi nghiên cứu một văn bản pháp luật, pháp qui nào đó phải chú ý xem xét hiệu lực theo thời gian của văn bản đó để thực hiện và áp dụng một cách chính xác, không nhầm lẫn.

. Hiệu lực theo không gian: là giới hạn tác động về không gian của một văn bản pháp luật được xác định bằng lãnh thổ quốc gia hay địa phương, hay một vùng nhất định. Trong nhiều văn bản qui phạm pháp luật không chỉ rõ hiệu lực về không gian mà nó được xác định một cách mặc nhiên theo giới hạn thẩm quyền của cơ quan ban hành những văn bản ấy. Phần lớn những văn bản do Quốc hội, Chính phủ ban hành có hiệu lực trên toàn lãnh thổ nước ta.

. Hiệu lực theo đối tượng tác động: nghĩa là xác định rõ những người phải tuân theo và chấp hành, hay được hưởng những quyền nhất định. Đối với những văn bản qui định chung thì đối tượng tác động là tất cả cơ quan, tổ chức và tất cả công dân. Những qui định về các lĩnh vực khác nhau, các ngành nghề khác nhau trong đời sống kinh tế, chính trị, xã hội chỉ có hiệu lực đối với những người hoạt động trong các lĩnh vực ấy.

+ *Hệ thống hoá pháp luật:*

. Ý nghĩa: Hệ thống hoá pháp luật là một trong những công tác có ý nghĩa rất lớn đối với việc hoàn chỉnh pháp luật và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Khi tập hợp những văn bản qui phạm pháp luật và những qui định riêng lẻ lại thành một hệ thống thống nhất sẽ phát hiện được những điểm thiếu sót, chồng chéo, mâu thuẫn giữa những văn bản hay qui định ấy. Từ đó bảo đảm sự thống nhất chặt chẽ giữa các ngành luật khác nhau và làm cho việc tìm hiểu, áp dụng pháp luật được dễ dàng hơn.

. Các hình thức hệ thống hoá pháp luật:

Tập hợp hoá: là việc tập hợp những văn bản qui phạm pháp luật lại theo một trật tự nhất định (theo thời gian ban hành, theo văn chữ cái, theo thẩm quyền ban hành hoặc theo một lĩnh vực, ngành nghề...). Hệ thống hoá luật lệ theo hình thức này không làm thay đổi nội dung văn bản, không bổ sung những qui định mới mà chỉ loại ra những điều khoản đã hết hiệu lực hoặc rõ ràng là mâu thuẫn với qui định của cấp trên.

Pháp điển hoá: Đây là hoạt động của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhằm không những chỉ tập hợp những qui định đã có theo một trật tự nhất định, mà còn đặt ra những qui định mới cho phù hợp với yêu cầu thực tế đời sống. Kết quả của công tác này là một văn bản qui phạm pháp luật mới được ban hành. Đó có thể là một bộ luật, một bản điều lệ...cho một ngành, một lĩnh vực.

III. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

1. Khái niệm về hệ thống pháp luật.

+ *Khái niệm.*

Nhà nước xây dựng và ban hành pháp luật thành từng điều có đánh số thứ tự gọi là một điều luật. Mỗi quy tắc xử sự được nêu trong điều luật còn được gọi là một quy phạm pháp luật. Có thể coi mỗi quy phạm pháp luật là một đơn vị pháp luật, một đơn vị đo lường của pháp luật.

Tổng thể các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành tạo thành một hệ thống thống nhất, đó chính là hệ thống pháp luật. Tổng thể các quy phạm pháp luật ấy phải có tính thống nhất, nhất quán, không chồng chéo, mâu thuẫn nhau, phù hợp với các quan hệ xã hội mà nó điều chỉnh, tạo thành một sự hài hoà bên trong.

Sự khác biệt giữa các nhóm quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh là căn cứ, là tiêu chuẩn cơ bản để phân định các quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật thống nhất thành các bộ phận quy phạm pháp luật, chế định pháp luật và ngành luật:

Quy phạm pháp luật là quy tắc của hành vi, có tính bắt buộc chung, do Nhà nước đặt ra và đảm bảo cho việc thực hiện, nhằm điều chỉnh một quan hệ xã hội nhất định. Quy phạm pháp luật là yếu tố đầu tiên trong hệ thống pháp luật, là thước đo (khuôn mẫu, chuẩn mực) giống nhau cho những người khác nhau trong xã hội.

Chế định pháp luật bao gồm một nhóm những quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ xã hội gần gũi, có mối liên hệ mật thiết với nhau và thuộc cùng một loại. Chẳng hạn chế định về công dân trong ngành Luật nhà nước, chế định về sở hữu trong dân luật, chế định về tiền lương trong ngành Luật lao động ...

Ngành luật bao gồm nhiều quy phạm pháp luật và chế định pháp luật, điều chỉnh một loại quan hệ xã hội thuộc một lĩnh vực nhất định của đời sống xã hội. Mỗi ngành luật có đối tượng và phương pháp điều chỉnh riêng.

+ *Các ngành luật trong hệ thống pháp luật của Nhà nước ta.*

Căn cứ vào đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh mà người ta phân định ra các ngành luật.

. *Luật Nhà nước* (còn gọi là Luật Hiến pháp): là ngành luật giữ vai trò quan trọng và là xuất phát điểm của toàn bộ hệ thống pháp luật. Ngành luật này bao gồm những qui phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ XH cơ bản nhất trong chế độ chính trị - xã hội của nhà nước. Các qui phạm của ngành luật nhà nước củng cố và bảo vệ chế độ chính trị, kinh tế, văn hoá, XH của đất nước; xác định quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; qui định cơ cấu và nguyên tắc cơ bản về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.

Trong hệ thống pháp luật của nước ta, Luật Nhà nước giữ vai trò chủ đạo do tính chất của các quan hệ xã hội mà nó điều chỉnh. Luật Nhà nước bảo đảm cho sự thống nhất của hệ thống pháp luật. Nhiều qui phạm của nó trở thành nguyên tắc cơ bản để phát triển các ngành luật khác. Từ khi thành lập nước (Tháng Tám 1945) đến nay, Nhà nước ta đã bốn lần ban hành Hiến pháp vào các năm: 1945, 1959, 1980, 1992.

. *Luật Hành chính*; điều chỉnh các quan hệ xã hội hình thành trong quá trình tổ chức và hoạt động chấp hành và điều hành của các cơ quan nhà nước thực hiện việc quản lý của Nhà nước trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, xã hội. Hoạt động quản lý nhà nước là hoạt động chấp hành, điều hành diễn ra giữa một bên là cơ quan nhà nước với bên kia là cơ quan nhà nước khác, tổ chức xã hội hoặc công dân.

. *Luật Tài chính* điều chỉnh những quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực hoạt động tài chính của nhà nước như việc lập, phê chuẩn và sử dụng ngân sách nhà nước, việc chi tiêu và tín dụng, việc qui định và thu các loại thuế, kỷ luật tài chính...

. *Luật Đất đai* điều chỉnh những quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực phân phối và sử dụng đất đai, trong đó đất đai là tư liệu sản xuất do Nhà nước thống nhất quản lý. Các qui phạm của luật đất đai qui định các nguyên tắc về quản lý và sử dụng đất đai, chế độ quản lý nhà nước về đất đai, chế độ sử dụng đất đai, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất

. *Luật Dân sự* điều chỉnh những quan hệ tài sản dưới hình thức giá trị hàng hoá, tiền tệ, những quan hệ nhân thân phi tài sản như quyền tác giả, quyền sáng chế phát minh, quyền sở hữu công nghiệp... Phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự là bình đẳng và thoả thuận.

Bộ Luật Dân sự của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được Quốc hội khoá IX kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 28.10.1995 gồm 7 phần, 838 điều, bắt đầu có hiệu lực từ ngày 1.7.1996.

. *Luật Tố tụng dân sự* điều chỉnh những quan hệ giữa các cơ quan xét xử với Viện kiểm sát, với các đương sự và những người, những tổ chức khác tham gia tố tụng dân sự kinh tế, lao động, hôn nhân gia đình....) quy định thẩm quyền xét xử, trình tự và thủ tục xét xử (khởi kiện dân sự và khởi tố vụ án dân sự, thụ lý vụ án, điều tra, hoà giải, xét xử và thi hành án dân sự).

Bộ Luật Tổ tụng dân sự của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam được Quốc hội thông qua ngày 15.6.2004 gồm 36 chương, 418 điều.

. *Luật Lao động* điều chỉnh những quan hệ xã hội phát sinh trong quan hệ lao động giữa công nhân viên chức với doanh nghiệp và cơ quan Nhà nước, những quan hệ giữa tổ chức công đoàn với thủ trưởng cơ quan...

Bộ Luật Lao động của nước ta đã được Quốc hội khoá IX, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 23.6.1994.

. *Luật Hôn nhân và Gia đình* là tổng thể những quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản phát sinh do việc kết hôn giữa nam và nữ như: quan hệ vợ chồng, bố mẹ và con cái.....nhằm mục đích đảm bảo chế độ hôn nhân tự do và tiến bộ, quyền bình đẳng nam nữ, bảo vệ lợi ích phụ nữ và trẻ em. chăm sóc và giáo dục trẻ em.

. Luật Hôn nhân và Gia đình đã được Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá X , kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 9.6.2000, gồm 13 chương, 110 điều.

. *Luật Hình sự* quy định hành vi nào là tội phạm, mục đích và nội dung của hình phạt, điều kiện áp dụng hình phạt, hình thức và mức độ hình phạt đối với những người có hành vi phạm tội.

Luật Hình sự gồm hai phần: phần chung và phần riêng. Phần chung bao gồm những quy phạm pháp luật xác định khái niệm tội phạm, hình phạt và những căn cứ truy cứu trách nhiệm đối với những người có hành vi phạm tội. Phần riêng bao gồm những quy phạm pháp luật miêu tả cấu thành từng tội cụ thể và thang hình phạt đối với tội ấy.

Bộ Luật Hình sự Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được Quốc hội khoá X kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 21.12.1999, gồm 24 chương, 344 điều.

. *Luật Tố tụng hình sự* là ngành luật bao gồm những quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ phát sinh trong việc điều tra, kiểm sát và xét xử những vụ án hình sự. Quy phạm pháp luật tố tụng hình sự quy định nhưng nguyên tắc, thủ tục, điều kiện để tiến hành điều tra, kiểm sát và xét xử vụ án hình sự, quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng hình sự. Luật tố tụng hình sự có vai trò quan trọng trong việc phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý nghiêm minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội góp phần bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, giáo dục công dân nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật và tôn trọng qui tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa.

. *Luật Kinh tế* bao gồm tổng thể các quy phạm pháp luật làm cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của các chủ thể của hợp đồng kinh tế, nội dung quản lý nhà nước về kinh tế. Phương pháp điều chỉnh của luật kinh tế là mệnh lệnh (giữa cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế với các đơn vị kinh tế) và bình đẳng (trong quan hệ giữa các đơn

kinh tế với nhau).

. *Luật Hợp tác xã* điều chỉnh những quan hệ xã hội hình thành trên cơ sở hình thức sở hữu tập thể về tư liệu sản xuất của những người lao động, quan hệ giữa hợp tác xã với xã viên, giữa Nhà nước với công dân xuất hiện trong quá trình tổ chức và hoạt động của hợp tác xã. Phương pháp điều chỉnh của luật hợp tác xã là dân chủ bàn bạc giải quyết công việc, thực hiện quyền làm chủ tập thể của xã viên, dân chủ trong tổ chức và hoạt động của hợp tác xã.

. *Luật Giáo dục* bao gồm những quy phạm pháp luật quy định về tổ chức và hoạt động giáo dục. Phạm vi điều chỉnh của Luật Giáo dục quy định về hệ thống giáo dục quốc dân, mục tiêu, tính chất, nguyên lý giáo dục. Nhà nước thống nhất quản lý hệ thống giáo dục quốc dân về mục tiêu, chương trình, nội dung, kế hoạch giáo dục, tiêu chuẩn nhà giáo, quy chế thi cử và hệ thống văn bằng.

Quốc hội khoá VIII, kỳ họp thứ 9 đã thông qua hai đạo luật về giáo dục: Luật Phổ cập giáo dục tiểu học (12.8.1991), Luật Bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em (16.8.1991). Ngày 2.12.1998, Quốc hội khoá X đã thông qua Luật Giáo dục gồm 9 chương, 110 điều/

. *Luật quốc tế* không nằm trong hệ thống pháp luật của một nước, nhưng lại có vị trí đặc biệt quan trọng trong quan hệ giữa các Nhà nước. Đó là tổng thể những quy phạm hình thành trên cơ sở thoả thuận giữa các nước với nhau nhằm điều chỉnh quan hệ giữa các Nhà nước trong quá trình đấu tranh và hợp tác với nhau. Pháp luật quốc tế phản ánh lợi ích của các nhà nước trong quan hệ quốc tế.

Luật Quốc tế gồm hai bộ phận: công pháp quốc tế và tư pháp quốc tế.

Công pháp quốc tế điều chỉnh các mối quan hệ trên thế giới về các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học, kỹ thuật... Chủ thể của công pháp quốc tế là các quốc gia và các tổ chức quốc tế.

Tư pháp quốc tế điều chỉnh các mối quan hệ trên thế giới về các lĩnh vực tài sản và hôn nhân - gia đình. Chủ thể của tư pháp quốc tế là các cá nhân và các pháp nhân.

2. Bản chất và vai trò của pháp luật Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam.

+ *Bản chất.*

Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, Nhà nước ta đã nhanh chóng xoá bỏ hệ thống pháp luật cũ. Tuy nhiên, Nhà nước cũng có quy định tạm thời áp dụng những quy phạm pháp luật cũ không trái với nguyên tắc độc lập và chính thể dân chủ cộng hoà (Sắc lệnh số 47/SL ngày 10.10.1945 của Chủ tịch nước). Đồng thời, Nhà nước cũng đã khẩn trương ban hành những văn bản pháp luật mới để kịp điều chỉnh các mối quan hệ trong xã hội, trấn áp các phần tử chống đối cách mạng, tổ chức và xây dựng một xã hội mới. Từ đó đến nay, hệ thống pháp luật kiểu mới ấy ở nước ta ngày càng phát triển và hoàn thiện.

Pháp luật xã hội chủ nghĩa ở nước ta là pháp luật kiểu mới, có bản chất khác với bản chất của các kiểu pháp luật đã có trước đó, và có vai trò rất quan trọng trong đời sống xã hội. Bản chất của hệ thống pháp luật XHCN nước ta thể hiện ở những điểm cơ bản sau:

Pháp luật nước ta thể hiện ý chí Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng CS Việt Nam. Nhà nước thể chế hoá đường lối, chính sách của Đảng thành pháp luật, tổ chức việc thực hiện pháp luật sử dụng pháp luật làm công cụ để quản lý đất nước và xã hội. Pháp luật Việt Nam do Nhà nước ban hành và đảm bảo thực hiện. Vì vậy pháp luật có chứa đựng các quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung, dựa vào sức mạnh cưỡng chế của Nhà nước, các biện pháp thuyết phục, giáo dục, khuyến khích được kết hợp với biện pháp cưỡng chế nhằm xây dựng một xã hội có nề nếp và kỷ cương, xử lý nghiêm minh những hành vi vi phạm.

Pháp luật nước ta quán triệt các quan điểm chính trị về xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam. Nhà nước làm ra luật nhưng chính quyền Nhà nước phải tự giới hạn hoạt động của mình trong khuôn khổ pháp luật, các quyền tự do dân chủ của công dân phải được Nhà nước tôn trọng và bảo vệ.

Pháp luật nước ta thể hiện ý chí của giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức. Đây là nét khác biệt căn bản của pháp luật nước ta so với các kiểu pháp luật khác. Pháp luật luôn thể hiện ý chí của đa số dân cư đất nước.

Pháp luật nước ta có quan hệ mật thiết với các quy phạm xã hội khác trong xã hội. Pháp luật được xây dựng trên nền đạo đức dân tộc, các phong tục tập quán tiến bộ và truyền thống văn hoá tốt đẹp. Các quy phạm pháp luật chứa đựng các chuẩn mực đạo đức và tính nhân đạo phù hợp với ý chí và nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân, trong quá trình phát triển, pháp luật luôn chịu sự tác động của các quy phạm xã hội, đồng thời cũng có tác động trở lại đối với các quy phạm xã hội ấy.

+ *Vai trò.*

. Pháp luật là phương tiện để thể chế hoá đường lối chính sách của Đảng.

Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam do Đảng CS Việt Nam lãnh đạo. Pháp luật nước ta thể hiện một cách đầy đủ và chính xác các chủ trương, chính sách và các quan điểm của Đảng thành những quy định cụ thể làm quy tắc chung.

Pháp luật do Nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện. Khi đường lối chính sách của Đảng đã được thể chế hoá thành pháp luật thì những quy định của pháp luật mang tính quyền lực Nhà nước có sức mạnh bắt buộc mọi người phải thực hiện.

. Pháp luật là phương tiện để nhân dân lao động thực hiện và phát huy quyền dân chủ cơ sở.

Trong xã hội ta, quyền dân chủ cơ sở phải được xây dựng thành những mối quan hệ xã hội cụ thể và phải được pháp luật bảo đảm thực hiện.

Quyền con người được thể chế hoá trong pháp luật thành quyền công dân và phải được đảm bảo về mặt pháp lý các quyền đó. Một xã hội muốn có sự ổn định thì phải có sự công bằng, bình đẳng và tự do, danh dự và nhân phẩm được tôn trọng, tính mạng và tài sản được bảo vệ, các vấn đề dịch vụ, phúc lợi xã hội phải chu đáo.

Pháp luật phải là phương tiện để các tổ chức xã hội tham gia quản lý nhà nước, kiểm tra giám sát hoạt động của nhà nước để chống lại tệ tham nhũng, độc đoán chuyên quyền và những hành vi vi phạm quyền làm chủ của nhân dân.

. Pháp luật là phương tiện để Nhà nước quản lý xã hội.

Các hoạt động của xã hội phong phú, đa dạng. Nếu không có yếu tố quản lý của nhà nước thì xã hội sẽ trở lên hỗn loạn. Để thực hiện nhiệm vụ, chức năng của mình, bảo vệ các quan hệ xã hội và duy trì trật tự xã hội, Nhà nước phải quản lý xã hội bằng pháp luật.

Để quản lý xã hội: nhà nước sử dụng nhiều phương tiện như: pháp luật, đạo đức, tập quán Trong đó pháp luật là phương tiện riêng của nhà nước, chỉ nhà nước mới có. Trong quản lý xã hội nếu không có pháp luật thì sẽ không điều hành nổi tổ chức và hoạt động của bộ máy. Xã hội càng phát triển thì vai trò điều chỉnh của pháp luật ngày càng tăng.

Dựa vào pháp luật mà nhà nước xây dựng và tổ chức ra các cơ quan trong bộ máy nhà nước, đảm bảo cho các cơ quan này hoạt động theo đúng pháp luật. Một trong những tiêu chuẩn của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước là phải hiểu pháp luật để thực hiện đúng yêu cầu của pháp luật.

- Những yêu cầu đối với việc xây dựng pháp luật.

+ *Khái niệm.*

Một trong những hình thức cơ bản nhất của hoạt động nhà nước là xây dựng pháp luật còn gọi là công tác pháp luật, tức là việc làm ra luật. Hoạt động này được tiến hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền (theo luật định), nhằm mục đích là ban hành ra các đạo luật (bộ luật) và các văn bản pháp quy.

Xây dựng pháp luật là quá trình nhận thức các quy luật xã hội, đặc biệt là các quy luật lợi ích, xác định tầm quan trọng về mặt pháp lý của các mối quan hệ xã hội. Từ đó tạo ra sự thể chế hoá pháp lý đúng đắn đối với các quan hệ xã hội. Các cơ quan có thẩm quyền của nhà nước sử dụng những quy tắc đặc thù của kỹ thuật lập pháp, kết hợp với việc đề cao ý chí của nhân dân lao động lên thành các chuẩn mực mang tính bắt buộc chung. Các chuẩn mực đó gọi là các chuẩn mực pháp lý, các tiêu chuẩn luật pháp được chứa đựng trong các văn bản pháp luật và văn bản pháp quy.

Xây dựng pháp luật là một quá trình bao gồm hàng loạt các công việc. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền xây dựng và ban hành pháp luật được qui định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Nhìn chung quá trình xây dựng pháp luật trải qua những giai đoạn sau:

. Giai đoạn thứ nhất là đề xuất yêu cầu ban hành một đạo luật mới, hoặc sửa đổi đạo luật hiện hành và thông qua quyết định về soạn thảo sự án luật liên quan đến đề xuất đó.

. Giai đoạn thứ hai là soạn thảo dự án luật bao gồm soạn thảo văn bản, thảo luận, lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức và nhân dân. Sau đó trình ra Quốc hội xem xét.

. Giai đoạn thứ ba là thảo luận và thông qua tại Quốc hội. Đây là giai đoạn quan trọng nhất của quá trình xây dựng pháp luật.

. Giai đoạn thứ tư là công bố luật. Việc công bố luật cũng phải theo đúng thủ tục, trình tự và nội dung đã quy định sẵn.

+ *Những yêu cầu về xây dựng pháp luật.*

Tình hình kinh tế - xã hội nước ta trong những năm gần đây đã có những thay đổi rất lớn lao. Việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật để đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới của Đảng và Nhà nước ta đã trở nên cấp bách hơn lúc nào hết. Những văn bản pháp luật đã ban hành trước đây cùng với những văn bản hướng dẫn đã không còn phù hợp nữa cũng cần phải có sự sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình mới. Một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh phải đảm bảo yêu cầu cả về ba mặt: nội dung, hình thức và cơ cấu.

Về nội dung, pháp luật phải thể hiện được đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước, phù hợp với yêu cầu của công cuộc đổi mới, pháp luật phải thể hiện được ý chí, nguyện vọng và bảo vệ lợi ích của đa số nhân dân lao động. Đồng thời pháp luật phải đáp ứng được nhu cầu phát triển của xã hội, tạo ra môi trường pháp lý để thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần trong cơ chế thị trường, theo định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của nhà nước.

Khi ban hành văn bản pháp luật, pháp quy, phải đảm bảo yêu cầu về mặt nội dung của văn bản là văn bản đó phải có tính mục đích, đảm bảo tính khoa học, phải có tính khả thi, tính đại chúng và tính quy phạm.

Về hình thức, với bản quy phạm pháp luật khi ban hành phải theo đúng thẩm quyền và thể thức do luật định. Văn bản pháp quy phải có kết cấu theo từng chủ đề, từng thể loại hợp lý. Đồng thời văn bản đó phải đảm bảo yêu cầu về cách hành văn, diễn đạt ngôn ngữ và kỹ thuật trình bày.

Về cơ cấu, phải đảm bảo cho mọi lĩnh vực, mọi quan hệ xã hội đều phải có pháp luật điều chỉnh. Các lĩnh vực đã có luật cần được bổ sung, sửa đổi cho hoàn thiện, khắc phục tình trạng thừa, thiếu luật, mâu thuẫn, lỗi thời.... nhất là pháp luật về kinh tế, hành chính, đất đai ...

3. Giáo dục pháp luật.

+ *Khái niệm.*

Sự hình thành và phát triển của ý thức pháp luật xã hội chủ nghĩa là một quá trình phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau như những điều kiện kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hoá... Vì vậy, để nâng cao ý thức pháp luật xã hội chủ nghĩa trong cán bộ và nhân dân thì bên cạnh việc phải chú trọng xây dựng một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, phù hợp với trình độ phát triển kinh tế xã hội, tạo cơ sở cho sự hình thành và phát triển ý thức pháp luật xã hội chủ nghĩa, còn phải tiến hành nhiều biện pháp khác để tạo ra điều kiện cho việc hình thành và phát triển toàn diện ý thức pháp luật xã hội chủ nghĩa. Một trong những biện pháp có tầm quan trọng đặc biệt là phải không ngừng bồi dưỡng, giáo dục pháp luật để nâng cao ý thức pháp luật của cán bộ và nhân dân.

Giáo dục pháp luật là số tác động một cách có hệ thống, thường xuyên tới nhận thức của con người nhằm trang bị cho mỗi người một trình độ kiến thức pháp lý nhất định để từ đó có ý thức đúng đắn về pháp luật, tôn trọng và tự giác xử sự theo yêu cầu của pháp luật.

Đây là một loại công việc rất khó khăn và phức tạp, đòi hỏi phải có nhiều phương pháp và hình thức phong phú, phù hợp với nhiều loại đối tượng khác nhau, tùy thuộc vào tình hình cụ thể trong mỗi giai đoạn nhất định. Đảng và Nhà nước ta trong những năm qua đã rất quan tâm tới công tác bồi dưỡng, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật của nhân dân, đồng thời coi trọng việc giáo dục, nâng cao đạo đức.

+ *Nội dung của giáo dục pháp luật.*

Giáo dục pháp luật là việc trang bị cho mọi người kiến thức về pháp luật, những quy chế và quy định khác về một hành chính - nhà nước. Những kiến thức đó sẽ thúc đẩy niềm tin vững chắc trong bản thân mỗi con người. Đó là sự cần thiết phải tự nguyện tuân thủ luật pháp, phải tự nguyện đấu tranh để củng cố tính pháp luật và nền pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Việc giáo dục pháp luật trước hết phải đi từ việc giáo dục chính trị, tư tưởng. Từ đó nảy sinh mối quan hệ khăng khít giữa việc giáo dục pháp luật và việc giải quyết những vấn đề quan trọng nhằm thực hiện nền dân chủ và tổ chức Nhà nước xã hội chủ nghĩa, hoàn thiện những cơ sở của sự phát triển chính trị của xã hội. Vì thế cho nên việc giáo dục pháp luật không chỉ là một phương tiện để củng cố tính pháp luật và nền pháp chế, nó còn là một nhân tố quan trọng để phát triển kiến trúc thượng tầng chính trị của xã hội.

+ *Những biện pháp cơ bản của việc giáo dục nâng cao ý thức pháp luật cho mọi người.*

Để công tác giáo dục nâng cao ý thức pháp luật của nhân dân đạt kết quả tốt cần thực hiện nhiều biện pháp đồng bộ, trong đó cần chú trọng một số biện pháp cơ bản

sau đây:

. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, giải thích pháp luật làm cho nhân dân nắm được một cách đầy đủ và hiểu được nội dung của các văn bản pháp luật được ban hành trong từng giai đoạn. Phải cải tiến các hình thức thông tin và phương pháp thông tin để phù hợp với từng đối tượng cụ thể. Trong công tác này cần có sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội và đoàn thể quần chúng để tìm ra những hình thức và phương pháp thích hợp, mở rộng tính dân chủ công khai bảo đảm quyền được thông tin của quần chúng.

. Đưa việc giảng dạy pháp luật vào hệ thống các trường của Đảng, của Nhà nước (kể cả các trường phổ thông và đại học), của các đoàn thể nhân dân.

. Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ pháp lý có đủ năng lực và trình độ, có phẩm chất chính trị và phong cách làm việc tốt để bố trí vào các cơ quan làm công tác pháp luật, pháp chế. Đội ngũ cán bộ này thông qua hoạt động của mình, bằng kết quả công tác sẽ góp phần đề cao vai trò của pháp luật, củng cố pháp chế xã hội chủ nghĩa, góp phần giáo dục và nâng cao ý thức pháp luật của nhân dân.

. Mở rộng dân chủ, công khai tạo điều kiện cho nhân dân tham gia vào việc soạn thảo, thảo luận đóng góp ý kiến về các dự án pháp luật. Thông qua đó nâng cao ý thức pháp luật của nhân dân.

. Đẩy mạnh công tác đấu tranh chống vi phạm pháp luật, tổ chức cho nhân dân tham gia một cách mạnh mẽ vào công tác này.

. Kết hợp việc giáo dục pháp luật với việc giáo dục đạo đức, văn hoá, nâng cao dân trí. Đạo đức, văn hoá, pháp luật đều là những yếu tố nằm trong thượng tầng kiến trúc của xã hội, chúng có mối liên hệ mật thiết với nhau. Vì vậy, để giáo dục pháp luật đạt kết quả cần kết hợp với giáo dục đạo đức và giáo dục nâng cao trình độ văn hoá của nhân dân.

Đẩy mạnh sự lãnh đạo của Đảng trong công tác giáo dục pháp luật.

IV. THỰC HIỆN PHÁP LUẬT

1. Khái niệm

Nhà nước làm ra quy phạm pháp luật với mong muốn dùng chúng để điều chỉnh các quan hệ xã hội phục vụ cho công tác quản lý xã hội, quản lý đất nước tạo nên sự ổn định và phát triển. Điều đó chỉ có thể đạt được khi các quy phạm pháp luật ấy được các chủ thể thực hiện nghiêm chỉnh và triệt để. Cho dù có ban hành những văn bản pháp luật hoàn chỉnh đến mức nào đi nữa nhưng nếu chúng không được thực hiện thì cũng chẳng có giá trị. Điều quan trọng là phải thực hiện chúng, biến những yêu cầu, quy định của pháp luật thành hiện thực.

Thực hiện pháp luật là làm cho những quy định của pháp luật trở thành những hoạt động thực tế của các chủ thể pháp luật.

Tất cả những xử sự được tiến hành phù hợp với các yêu cầu của các quy phạm pháp luật đều được coi là sự thực hiện thực tế các quy phạm pháp luật. Dưới góc độ pháp lý thì hành vi thực hiện pháp luật là hành vi hợp pháp. Hành vi hợp pháp của con người là xử sự phù hợp với quy định của pháp luật, có lợi ích cho xã hội, cho Nhà nước và mỗi cá nhân.

2 - Các hình thức thực hiện pháp luật

+ Các hình thức thực hiện pháp luật

Đối với mỗi loại quy phạm pháp luật khác nhau thì cách thực hiện chúng cũng khác nhau. Căn cứ vào tính chất những hoạt động thực hiện pháp luật khoa học pháp lý chia ra những hình thức thực hiện pháp luật sau:

. *Tuân theo pháp luật*: là kiềm chế giữ mình không tiến hành những hoạt động mà pháp luật cấm (xử sự thụ động). Ví dụ: không tham nhũng, hối lộ, không sản xuất, buôn bán và đốt pháo...

Hình thức này để thực hiện những quy phạm pháp luật hình sự, quy phạm pháp luật hành chính....

. *Thi hành pháp luật*: là hình thức thực hiện pháp luật bằng hành động tích cực thực hiện những nghĩa vụ pháp lý của mình (xử sự chủ động). Ví dụ: các cá nhân, tổ chức khi sản xuất, kinh doanh thì phải có nghĩa vụ nộp thuế theo qui định của nhà nước, thanh niên từ đủ 18 tuổi trở lên phải tham gia thực hiện nghĩa vụ quân sự...

Hình thức này để thể hiện những quy phạm pháp luật bắt buộc (những quy phạm quy định nghĩa vụ phải thực hiện những hành vi tích cực nhất định).

. *Sử dụng pháp luật*: là hình thức các chủ thể pháp luật thực hiện quyền chủ thể pháp luật của mình tiến hành những hành vi mà pháp luật cho phép. Ví dụ: pháp luật qui định công dân có quyền khiếu nại và tố cáo. Mọi công dân có quyền gửi đơn thư khiếu nại tố cáo lên cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhờ nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nếu cảm thấy quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm. Hình thức này khác hai hình thức trên ở chỗ: chủ thể pháp luật có thể thực hiện hoặc không thực hiện quyền được pháp luật qui định theo ý chí của mình, chứ không ép buộc phải thực hiện.

. *Áp dụng pháp luật*: là hình thức Nhà nước tổ chức cho các chủ thể thực hiện những quy định của pháp luật. Tức là các chủ thể thực hiện pháp luật có sự can thiệp của Nhà nước.

Như vậy, bất kỳ một người nào, tổ chức nào cũng có thể tuân theo pháp luật thi hành pháp luật và sử dụng pháp luật, còn trong việc áp dụng pháp luật thì luôn luôn có sự can thiệp của Nhà nước. Nhà nước với tư cách là người tổ chức và giúp đỡ các chủ thể khác thực hiện những quy định của pháp luật.

Áp dụng pháp luật là hình thức rất quan trọng của thực hiện pháp luật.

+ Áp dụng pháp luật.

Trong thực tế chấp hành pháp luật, nếu chỉ thông qua các hình thức tuân theo pháp luật thì hành pháp luật thì sẽ có rất nhiều quy phạm pháp luật không được thực hiện. Lý do có thể là các chủ thể không muốn thực hiện hoặc không đủ khả năng thực hiện nếu không có sự tham gia của Nhà nước. Điều đó xảy ra trong các trường hợp sau:

. Khi cần áp dụng các biện pháp cưỡng chế do các chế tài pháp luật quy định đối với những chủ thể và hành vi vi phạm pháp luật.

. Khi quan hệ pháp luật với những quyền chủ thể và nghĩa vụ pháp lý cụ thể không mặc nhiên phát sinh nếu thiếu sự can thiệp của nhà nước.

. Khi xảy ra tranh chấp về quyền chủ thể và nghĩa vụ pháp lý cụ thể giữa các bên tham gia quan hệ pháp luật mà các bên đó không tự giải quyết được.

. Trong một số quan hệ pháp luật mà nhà nước thấy cần thiết phải tham gia để kiểm tra, giám sát hoạt động của các bên tham gia quan hệ đó hoặc nhà nước xác nhận sự tồn tại một số sự việc, sự kiện thực tế.

Ví dụ: Việc xác nhận di chúc, chứng thực thế chấp, phê chuẩn điều lệ, chứng chỉ....

Áp dụng pháp luật là hoạt động thực hiện pháp luật của các cơ quan nhà nước. Nó vừa là một hình thức thực hiện pháp luật, vừa là cách thức nhà nước tổ chức cho các chủ thể thực hiện pháp luật. Chính vì thế trong áp dụng pháp luật bao gồm cả hình thức tuân theo, thi hành và sử dụng pháp luật.

Áp dụng pháp luật có một số đặc điểm:

Thứ nhất, áp dụng pháp luật là hoạt động mang tính tổ chức - quyền lực nhà nước.

Thứ hai, đây là hoạt động có hình thức, thủ tục được pháp luật quy định chặt chẽ.

Thứ ba, đây là hoạt động điều chỉnh cá biệt, cụ thể đối với các quan hệ xã hội.

Thứ tư, việc áp dụng pháp luật đòi hỏi tính sáng tạo.

Thứ năm, trong trường hợp thiếu pháp luật thì phải có biện pháp áp dụng pháp luật tương tự.

Các bước của quá trình áp dụng pháp luật:

. Phân tích đánh giá đúng, chính xác mọi tình tiết hoàn cảnh, điều kiện của sự việc như thực tế nó xảy ra.

. Chọn các quy phạm pháp luật phù hợp và giải thích chúng để làm sáng tỏ nội dung và ý nghĩa của quy phạm pháp luật.

. Ra văn bản áp dụng.

. Tổ chức thực hiện văn bản áp dụng đã ban ra.

V. PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khái niệm:

Để thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý xã hội của mình, Nhà nước sử dụng rất nhiều phương tiện khác nhau như: tập quán, đạo đức, pháp luật... Trong đó phương thức quản lý cơ bản, bao trùm nhất. Có hiệu quả nhất là quản lý đất nước bằng pháp luật tức là việc thiết lập nền pháp chế xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, khi nghiên cứu các vấn đề về nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa thì nhất thiết phải nghiên cứu về pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Pháp chế là sự đòi hỏi, yêu cầu các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội và mọi công dân phải tuân thủ và thực hiện đúng đắn nghiêm chỉnh pháp luật trong hoạt động của mình.

Pháp chế bao hàm trong bản thân nó hai yêu cầu và điều kiện:

Một là, nhà nước phải xây dựng và ban hành một hệ thống pháp luật đầy đủ và phù hợp.

Hai là, phải có cơ chế và biện pháp bảo đảm cho pháp luật đó được thực hiện nghiêm chỉnh và triệt để trong thực tế.

Nếu thiếu một trong hai điều kiện đó thì không thể thiết lập được nền pháp chế trong xã hội.

- Mối thuận hệ giữa pháp luật và pháp chế.

Pháp chế xã hội chủ nghĩa và pháp luật xã hội chủ nghĩa là hai khái niệm có quan hệ chặt chẽ với nhau, nhưng không đồng nhất với nhau. Pháp luật là tiền đề, là cơ sở vật chất của pháp chế. Pháp luật dù có hoàn thiện đến đâu cũng chỉ mới là khả năng là điều kiện cần thiết làm cơ sở pháp lý cho đời sống xã hội. Pháp luật được thực hiện trong đời sống thực tế như thế nào phụ thuộc vào sự tuân thủ, chấp hành của nhà nước, các tổ chức xã hội và của các cá nhân công dân. Nếu có sự tuân thủ và thực hiện đúng đắn, nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật thì xã hội mới có pháp chế và trật tự pháp luật. Pháp luật chỉ có thể phát huy được hiệu lực của mình, điều chỉnh một cách có hiệu quả các quan hệ xã hội khi dựa trên cơ sở vững chắc của nền pháp chế và ngược lại, pháp chế chỉ có thể được củng cố và tăng cường khi có một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, đồng bộ, phù hợp và kịp thời.